

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 28 - 5 - 2018
(V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Võ Thanh Liêm

Ông (Bà) Trần Kim Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thuý Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố M tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tiêu Thị L H** – sinh năm: 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 158/5, P H T, khóm 2, phường 4, Tp.M, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông **Hữu T** – sinh năm: 1964 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 132/101, H N, khóm 2, phường 2, Tp.M, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 2010, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà yêu cầu Tòa án cho ông bà được ly hôn nhau.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Bà H ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 là thời điểm Luật HNGĐ năm 2000 có hiệu lực thi hành, về hình thức kết hôn luật chỉ thừa nhận một hình thức kết hôn duy nhất đó là nam nữ khi xác lập quan hệ vợ chồng phải đăng ký kết hôn tại UBND nơi một trong hai người cư trú, ở đây bà H ông T không thực hiện quy định này nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H ông T xác định không có.

[4] Về án phí HNGĐ bà H phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 53 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tiêu Thị L H với ông Hữu T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình bà H phải nộp 300.000đ. Ngày 03/5/2018 bà đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0744 được giữ y sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Ninh Quang Thế